

Bản án số: 13/2020/HS – ST  
Ngày: 30/6/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK H, TỈNH KON TUM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Ngữ

*Các Hội thẩm nhân:* Ông Hoàng Văn Hưng

Bà Lê Thị Hải

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Diệu- Thư ký Tòa án huyện Đăk H

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk H, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Hải Hà - Kiểm sát viên;

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk H, tỉnh Kon Tum đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

**Bị cáo thứ nhất: Nguyễn Trọng V** (tên gọi khác: *V Bảy*), sinh ngày 03 tháng 9 năm 1990; Nơi sinh: Kon Tum; Nơi cư trú: số 49 Phan Huy Chú, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Trọng Bảy (*đã chết*) và bà Trần Thị Vượng, sinh năm 1948, hiện nghỉ hưu và sinh sống tại 49 Phan Huy Chú, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum; bị cáo chưa có vợ; tiền án: 04 tiền án, cụ thể như sau:

Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2013/HS – ST ngày 09/01/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố K xử phạt 18 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2015/HS – ST ngày 25/3/2015 Tòa án nhân dân huyện Kon Plong xử phạt 09 tháng tù về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2016/HS – ST ngày 27/7/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố K xử phạt 15 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2018/HS – ST ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố K xử phạt 24 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08 tháng 01 năm 2020 cho đến nay, đưa ra xét xử - Có mặt tại phiên tòa.

**Bị cáo thứ hai: Nguyễn Văn T**; sinh ngày 02 tháng 9 năm 1987; Nơi sinh: Hải Phòng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Cái Tắt, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Số 239 Trần Khánh Dư, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch: V Nam; tôn giáo: Phật giáo; con ông Nguyễn Văn Dân (*đã chết*) và bà Đào Thị Nga, sinh năm 1966, hiện đang làm lao động tự do và sinh sống tại Trung Quốc; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Yến Nhi và 01 người con Nguyễn Đức Hậu sinh năm 2008; tiền án: 03, cụ thể như sau:

Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2011/HS – ST ngày 21/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đắk H, tỉnh Kon Tum xử phạt 12 tháng tù về tội “*trộm cắp tài sản*”.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2012/HS – ST ngày 03/12/2012 của Tòa án nhân dân huyện Đắk H, tỉnh Kon Tum xử phạt 36 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2017/HS – ST ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố K xử phạt 26 tháng tù về tội “*trộm cắp tài sản*”.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08 tháng 01 năm 2020 cho đến nay đưa ra xét xử - Có mặt tại phiên tòa.

- *Người Bị hại:* Anh **Hà Văn Tr**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn Thanh Xuân, xã Đắk Ngọc, huyện Đắk H, tỉnh Kon Tum - Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Nguyễn Tấn L**; sinh năm: 1988; Địa chỉ: 18 Trường Chinh, phường Trường Chinh, thành phố K, tỉnh Kon Tum – Có mặt.

2. Anh **Nguyễn Quốc V1**; sinh năm: 1996; Địa chỉ: Thôn Phương Quý II, xã Vinh Quang, thành phố K, tỉnh Kon Tum (*hiện nay đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an thành phố K bằng một tội phạm khác*). Vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Anh **Huỳnh Văn H**; sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn Phương Quý II, xã Vinh Quang, thành phố K, tỉnh Kon Tum - Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh **Nguyễn Bá H1**(*tên gọi khác: Đen*); sinh năm: 1996; Địa chỉ: Thôn Phương Quý I, xã Vinh Quang, thành phố K, tỉnh Kon Tum - Vắng mặt không có lý do.

2. Anh **Trần Văn H2**; sinh năm: 1993; Địa chỉ: 09 Âu Cơ, phường Quang Trung, thành phố K, tỉnh Kon Tum - Vắng mặt không có lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quan hệ quen biết, sáng ngày 06/01/2020, Nguyễn Trọng V nói với Nguyễn Văn T “đi làm” nghĩa là rủ T lên huyện Đắk H để trộm cắp xe mô tô thì

T đồng ý. Khoảng 12 giờ 15 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 82K1- 6171 chở V từ khu vực bến xe thành phố K đi huyện Đắk H, khi đi V mang theo 01 đoạn kim loại bằng sắt, dài khoảng 05 cm, một đầu hình lục giác, một đầu bị mài dẹp; 01 khóa hình chữ L bằng kim loại. Đến khoảng 13 giờ 30 phút, T và V đến thị trấn Đắk H, T chở V đi xung quanh thị trấn Đắk H, khi đi đến khu vực đường đất trước Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk H thì nhìn thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu xanh - bạc, biển kiểm soát 82B1-480.81 đang dựng gần nhà để xe trong khuôn viên sân Tòa án nhân dân huyện Đắk H, không có người trông coi. T chở V vào trong sân đến gần chiếc xe mô tô biển kiểm soát 82B1- 480.81 thì dừng lại đứng cạnh giới. Lúc này, V xuống xe và đi bộ đến chỗ để xe dùng khóa sắt tự chế bẻ khóa rồi để máy chạy về hướng thành phố K còn T chạy xe mô tô biển kiểm soát 82K1-6171 đi theo. Đi được khoảng 15km, vì sợ xe biển kiểm soát 82K1- 6171 hết xăng nên T và V ghé cây xăng trên đường đi để đổ xăng. Sau đó, T và V đổi xe cho nhau, T đi xe mô tô trộm cắp được tại Tòa án nhân dân huyện Đắk H còn V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 82K1- 6171 chạy về khu vực ngã tư đường Âu Cơ và đường Nguyễn Văn Cừ, thành phố K rồi dừng lại để mua nước uống thì gặp Nguyễn Bá H, V gọi H lại và hỏi H có biết ai mua xe mô tô không có giấy tờ không, H hỏi lại V “*xe trộm cắp hay sao mà không có giấy tờ*”, V trả lời “*xe của bạn*”. V đưa số điện thoại của T cho H và dặn nếu có ai mua thì liên hệ với T. Khoảng 15 phút sau, H gọi lại cho T và nói có người mua xe nên V, T để xe mô tô biển kiểm soát 82K1- 6171 ở ngã tư đường Âu Cơ và Nguyễn Văn Cừ rồi điều khiển xe mô tô trộm cắp được đi đến nhà H. Khi đi đến nhà H, T và V gặp Nguyễn Quốc V1 và Huỳnh Văn H, hai bên trao đổi về việc bán xe trộm cắp được, V đề nghị bán xe mô tô trộm cắp được với giá 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*). Do xe không có giấy tờ và biết xe mô tô này là xe trộm cắp được đưa đến bán nên V, H trả giá và mua với giá 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm ngàn đồng*). Sau đó V, T đồng ý bán với giá 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*) cho V, H. Khi nhận đủ số tiền, V gọi điện cho Trần Văn H2 nhờ vào nhà H chở về ngã tư đường Âu Cơ và Nguyễn Văn Cừ để lấy xe mô tô biển kiểm soát 82K1 - 6171 và chạy về nhà nghỉ Đức Anh gần bến xe thành phố K nghỉ ngơi. Số tiền bán xe T và V đã tiêu xài hết. Đến ngày 07/01/2020, V, H hẹn Nguyễn Quốc TH để bán xe mô tô đã mua của V, T, khi đang xem xe thì bị lực lượng Công an thành phố K phát hiện và đưa về trụ sở làm việc, cùng ngày Công an thành phố K mời T và V lên làm việc, quá trình làm việc T, V khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản (*xe mô tô biển kiểm sát 82B1-480.81*) vào ngày 06/01/2020 tại huyện Đắk H.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 38/KL-ĐGTS ngày 09/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắk H kết luận: Tổng giá trị tài sản là 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius 110cm<sup>3</sup>, màu xanh bạc, biển kiểm soát 82B1-480.81 có giá trị là 13.160.000 đồng (*Mười ba triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắk H.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 04/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk H tỉnh Kon Tum, truy tố các bị cáo Nguyễn Trọng V và Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” Theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk H trong phần tranh luận giữ nguyên quan điểm quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Trọng V và Nguyễn Văn T như Cáo trạng và đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng V từ 42 đến 48 tháng tù; áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 36 đến 42 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra người bị hại không yêu cầu bồi thường, nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng và án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật và buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm và đề nghị hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đăk H, tỉnh Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk H, tỉnh Kon Tum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Khoảng 13h30 ngày 06/01/2020 các bị cáo Nguyễn Trọng V và Nguyễn Văn T đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của người bị hại là anh Hà Văn Tr, nên bị cáo V đã sử dụng khóa sắt tự chế mở khóa xe mô tô biển kiểm soát 82B1-480.81 hiệu Yamaha, số máy 5C6J189457; số khung C6J0GY189461 đang dựng ở sân Tòa án nhân dân huyện Đăk H, còn bị cáo T đứng chờ và cảnh giới cho bị cáo V. Giá trị tài sản mà các bị cáo đã trộm cắp là 13.160.000 đồng (*Mười ba triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng*). Sau đó các bị cáo mang tài sản trộm cắp được bán cho Nguyễn Quốc V1 và Huỳnh Văn H với giá 2.500.000 đồng rồi tiêu xài cho nhu cầu cá nhân.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị cáo Nguyễn Trọng V và Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Tội phạm các bị cáo thực hiện đã hoàn thành, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk H truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

**[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:**

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản rồi tẩu thoát và bán lấy tiền để tiêu xài cho nhu cầu cá nhân. Hành vi đó rất liều lĩnh, các bị cáo đã đi vào trụ sở Tòa án để trộm cắp tài sản, nơi mà bị cáo T đã hai lần bị xét xử. Các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân về mặt tài sản, gây dư luận xấu trong xã hội, ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của nhân dân. Đồng thời, khi cùng thực hiện hành vi tộm cắp tài sản, các bị cáo có đủ độ tuổi và năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, nhằm giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

**[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:**

Nhận thấy, trước khi phạm tội, các bị cáo Nguyễn Trọng V và Nguyễn Văn T đều có nhân thân xấu, đã nhiều lần thực hiện các hành vi phạm tội, đã bị Tòa án xét xử. Cụ thể.

Đối với bị cáo Nguyễn Trọng V, có nhân thân xấu, có 04 tiền án. Tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội mới bị cáo V chưa được xóa án tích.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T, có nhân thân xấu, có 03 tiền án. Tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội mới bị cáo T chưa được xóa án tích.

Hội đồng xét xử nhận thấy, các bị cáo Nguyễn Trọng V và Nguyễn Văn T đều đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý. Do đó, lần phạm tội này của các bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”, là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự thì những dấu hiệu định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, không áp dụng quy định tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điều 52 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

**[5] Xét vai trò của các bị cáo trong đồng phạm giản đơn, các bị cáo không bàn bạc mà khi bị cáo V khởi xướng thì bị cáo T đồng ý ngay để cùng thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản. Bị cáo V đóng vai trò là người khởi xướng, cũng là người thực hành tích cực nhất, đã trực tiếp dùng thanh sắt tự chế cạy khóa và điều**

khuyến xe đi. Bị cáo T là người giúp sức tích cực, đã dùng xe máy chở V vào trong sân Tòa án rồi đứng canh giới, đáng lẽ ra khi bị cáo V khởi xướng thì phải ngăn cản. Nhưng lại đồng ý ngay, tạo sự hỗ trợ về niềm tin để cùng thực hiện tội phạm đến cùng. Sau khi lấy được tài sản thì liên hệ để bán ngay tài sản, nhằm tránh sự phát hiện của các cơ quan chức năng, khi có tiền thì cùng nhau tiêu xài hết. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về toàn bộ tội phạm và trách nhiệm độc lập về cùng thực hiện trong đồng phạm. Đồng thời, xem xét trong quá trình lượng hình để quyết định hình phạt đối với các bị cáo, phù hợp với tính chất mức độ phạm tội.

Các bị cáo Nguyễn Trọng V và Nguyễn Văn T đã nhiều lần bị xét xử về các hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân và đã có thời gian cách ly ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo, giáo dục. Tuy nhiên, sau khi chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích các bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Điều đó cho thấy bản chất của các bị cáo là lười lao động, thích hưởng thụ, không thể hiện thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội. Vì vậy, phải xử phạt các bị cáo mức phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo. Phải cách ly các bị cáo Nguyễn Trọng V và Nguyễn Văn T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo còn khai nhận, vào ngày 07/01/2020 đã thực hiện hành vi trộm cắp một chiếc xe mô tô tại thị trấn huyện Sa Thầy. Hiện nay đã bị khởi tố điều tra, chờ ngày xét xử theo quy định của pháp luật.

#### **[6] Về vật chứng của vụ án:**

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xanh, bạc, biển kiểm soát 82B1-480.81, số máy 5C6J189457; số khung C6J0GY189461, đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Hà Văn Tr, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk H đã trả lại cho anh Trường quản lý và sử dụng là đúng quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy không đề cập.

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 82K1- 6171, nhãn hiệu HONDA Citi, màu sơn đỏ, là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Tấn L cho Nguyễn Văn T thuê theo hợp đồng cho thuê xe ngày 15/12/2019. Anh Long không biết việc Nguyễn Văn T và Nguyễn Trọng V sử dụng xe làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản. Vì vậy cần trả lại cho anh Nguyễn Tấn L là hoàn toàn đúng pháp luật.

- Đối với 01 (một) khóa sắt tự chế từ cây lục giác mở ốc vít dài 3,7 cm, chiều rộng nhất 0,7 cm là công cụ do Nguyễn Trọng V tự chế để làm công cụ phạm tội, hiện nay không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động Nokia đã qua sử dụng, Model 105, code 059R488, IMEI 357139/06/053871/2, kèm 01 (một) sim Viettel số 0329.550.479 là tài sản của Nguyễn Văn T, bị cáo đã dùng liên lạc với Nguyễn Bá H để bán xe trộm cắp được vào ngày 06/01/2020. Hội đồng xét xử thấy rằng, đây là tài sản dùng vào việc phạm tội, đã giao dịch, liên hệ và đã bán được tài sản (xe máy) trộm cắp cho người khác. Do đó cần tịch thu sung công quỹ nhà

nước là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 2.500.000 đồng các bị cáo Nguyễn Trọng V và Nguyễn Văn T có được từ việc bán tài sản là chiếc xe do các bị cáo trộm cắp được, các bị cáo đã cùng nhau tiêu xài cá nhân hết (*số tiền này là của Nguyễn Quốc V1 và Huỳnh Văn H dùng mua xe trộm cắp của các bị cáo*). HĐXX xét thấy, đây là số tiền thu lợi bất chính từ việc bán tài sản mà các bị cáo Nguyễn Trọng V và Nguyễn Văn T đã phạm tội. Vì vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, số tiền 2.500.000đ các bị cáo đều tiêu xài chung, do đó cần xác định mỗi bị cáo phải có trách nhiệm 50% số tiền này, cụ thể mỗi bị cáo phải nộp số tiền là 1.250.000đ để sung công quỹ nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Hà Văn Tr trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa không yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Trọng V bồi thường gì. Anh Nguyễn Tấn L không yêu cầu Nguyễn Văn T hoàn trả số tiền thuê xe chưa thanh toán từ ngày 28/12/2019 đến ngày 06/01/2020. Nên HĐXX không xem xét.

[8] Các vấn đề khác:

- Đối với Nguyễn Quốc V1 và Huỳnh Văn H: Quá trình điều tra, Nguyễn Quốc V1, Huỳnh Văn H khai nhận mặc dù nhận thức và biết được nguồn gốc xe là do trộm cắp mà có nhưng Nguyễn Quốc V1, Huỳnh Văn H vẫn mua 01 xe mô tô biển kiểm soát 82B1 - 480.81 nhằm mục đích bán lại kiếm lời, xét thấy hành vi của Nguyễn Quốc V1, Huỳnh Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk H đã ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can ngày 17/3/2020 đối với Nguyễn Quốc V1 và ngày 21/5/2020 đối với Huỳnh Văn H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk H đang tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý các đối tượng có liên quan trong vụ án và sẽ xét xử bằng một vụ án án khác theo quy định của pháp luật. Nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

- Đối với anh Nguyễn Bá H1, là người chỉ người cho các bị cáo bán xe trộm cắp được, tuy nhiên trong quá trình điều tra anh H1 không biết được đó là xe trộm cắp mà có. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh H1 là đúng quy định của pháp luật, HĐXX không đề cập.

- Đối với anh Nguyễn Quốc TH là người hẹn xem xe và đề mua xe máy từ Nguyễn Quốc V1 và Huỳnh Văn H. Nhưng trong quá trình điều tra, Nguyễn Quốc TH không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ. Nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo bị kết án phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trọng V (*tên gọi khác: V Bảy*) và Nguyễn

Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

**[2] Về hình phạt:**

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trọng V** (*tên gọi khác: V Bảy*) **42** (*Bốn mươi hai*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 08 tháng 01 năm 2020.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 36** (*ba mươi sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo ngày 08 tháng 01 năm 2020.

**[3] Về xử lý vật chứng:** Căn cứ, áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 1 và điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Trả lại 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát 82K1- 6171, nhãn hiệu HONDA Citi, màu sơn đỏ cho anh Nguyễn Tấn L.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia đã qua sử dụng, Model 105, code 059R488, IMEI 357139/06/053871/2, kèm 01 (*một*) sim Viettel số 0329.550.479 của bị cáo Nguyễn Văn T.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (*một*) khóa sắt tự chế từ cây lục giác mở ốc vít dài 3,7 cm, chiều rộng nhất 0,7 cm.

*(Các vật chứng có đặc điểm, hình dạng, kích thước như trong Biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk H được ban hành kèm theo Quyết định chuyển vật chứng số: 11/QĐ-VKS ngày 04/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk H, tỉnh Kon Tum).*

- Buộc các bị cáo Nguyễn Trọng V và Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc bán tài sản trộm cắp được, phần của mỗi bị cáo là **1.250.000** đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

**[4] Về án phí hình sự sơ thẩm:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Trọng V và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp **200.000** đồng (*hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**[5] Về quyền kháng cáo:**

Căn cứ các Điều 331; 332; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong



thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/6/2020). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT 1-TANDTC;
- Tòa cấp cao Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk H;
- CA huyện Đắk H;
- Chi cục THA dân sự huyện Đắk H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Ngữ**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**NGUYỄN DUY NGŨ'**